

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST

Ngày: 12/7/2022

*“V/v tranh chấp dân sự – Hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chinh;
Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc: *“Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145B/2022/QĐST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: T.T.T.T, sinh năm 1955; Là người thừa kế của ông L.H.B;

Địa chỉ: P. MP. HCL. ĐT.

Đại diện theo ủy quyền của bà T.T.T.T là anh L.H.G, sinh năm: 1975. Địa chỉ: MT, PMP, TPCL, ĐT.

Bị đơn: P.Q.T, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ML, HCL, ĐT.

(Anh G có đơn xin xét xử vắng mặt; anh G vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2020 ông Bảo có cho ông P.Q.T mượn số tiền 80.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất. Khi nhận tiền hai bên có làm biên nhận ngày 15/12/2020. Thời hạn trả khi nào ông Bảo có nhu cầu thì ông G sẽ trả lại.

Thời gian sau đó, do ông Bảo có nhu cầu sử dụng nên đã nhiều lần nhắc nhở

ông G yêu cầu sớm trả số tiền 80.000.000đ nói trên. Tuy nhiên, qua nhiều lần liên hệ nhưng ông G vẫn không trả mà hẹn lần hẹn lượt, cố tình tránh né, không thực hiện việc trả nợ.

Đến ngày 14/5/2021, ông Bảo chết và bà T được những người kế thừa theo pháp luật còn lại của ông Bảo đồng ý cho bà T G quyền quyết định, định đoạt đối với số tiền vay này.

Do đó, nay bà T (là người thừa kế của ông L.H.B) yêu cầu Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết buộc ông P.Q.T trả cho bà T số tiền 87.968.000đ gồm:

- Tiền gốc là 80.000.000đ;
- Tiền lãi đối với số tiền gốc 80.000.000đ với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/12/2021 là 12 tháng bằng 7.968.000đ.

Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đối với số tiền 80.000.000đ với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/12/2021 cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án.

Ngày 11/7/2022 anh G đại diện theo ủy quyền của bà T có tờ tự khai gửi cho Tòa án với nội dung xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông G trả lại tiền vốn gốc là 80.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông P.Q.T: mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông G nhưng ông G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông G.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí (bản chính);
- Biên nhận ngày 15/12/2020 (bản chính);
- Tờ tự khai ngày 11/7/2022 của anh L.H.G (bản chính);
- Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/7/2022 của anh L.H.G (bản chính);
- Văn bản từ chối nhận di sản (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn là ông P.Q.T có nơi cư trú tại ML, HCL, ĐT. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về tư cách đương sự: Những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Bảo là bà T.T.T.T, chị Lê Thị Hồng Lua, chị Lê Thị Kim Ngân và anh L.H.G. Trong đó chị Lê Thị Hồng Lua, chị Lê Thị Kim Ngân và anh L.H.G từ

chối nhận di sản của ông Bảo là phần tiền 80.000.000đ mà ông Bảo cho anh P.Q.T vay (theo trình bày của bà T). Do đó căn cứ vào Điều 609 và Điều 610 của Bộ luật dân sự 2015 thì bà T.T.T.T khởi kiện ông P.Q.T yêu cầu trả số tiền trên là có cơ sở theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của bà T.T.T.T là anh L.H.G có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông P.Q.T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.Q.T và anh L.H.G theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào ngày 15/12/2020 tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn ông P.Q.T vắng mặt trong G bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng ông P.Q.T vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Do đó ông P.Q.T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[6] Anh L.H.G là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông P.Q.T chỉ trả phần vốn gốc là 80.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[7] Căn cứ vào biên nhận ngày 15/12/2020 có chữ ký của ông P.Q.T với nội dung “Tôi: tên P.Q.T có mượn anh L.H.B số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)” có cơ sở xác định giữa ông L.H.B và ông P.Q.T có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Ông Bảo đã nhiều lần yêu cầu ông G trả số tiền vay là 80.000.000đ nhưng ông G không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Ngày 14/5/2021 ông Bảo chết, bà T là người thừa kế của ông Bảo khởi kiện yêu cầu ông G trả nợ gốc là 80.000.000đ và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

Trường hợp ông P.Q.T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[8] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn T.T.T.T được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông P.Q.T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 609, Điều 610 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.T.T.T đối với ông P.Q.T.

Buộc ông P.Q.T có nghĩa vụ trả cho bà T.T.T.T số tiền 80.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà T.T.T.T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông P.Q.T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Chí Tâm